

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Việt Long; ông Phạm Xuân Sang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tố Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 18/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh ngày 04/9/1982; Căn cước công dân số 030082008164 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2021.

Địa chỉ cư trú: Thôn M, xã L, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Chị Trương Thị X, sinh ngày 22/10/1988; Căn cước công dân số 030188006448 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/11/2023.

Địa chỉ cư trú: Thôn M, xã L, thành phố Hải Phòng

Anh B, chị X vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh B trình bày: Anh và chị Trương Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã L, thành phố Hải Phòng) ngày 28/12/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7- 8/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng căng thẳng với nhau về kinh tế, chị X tự ý làm ăn, vay mượn tiền của nhiều người nhưng không bàn bạc, nói chuyện với anh. Có nhiều người đến gia

đình anh đòi nợ, anh có hỏi nhưng chị X không nói. Từ đó vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần và không còn. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Năm 2025, chị X nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện T để đề nghị ly hôn nhưng sau đó Tòa án đình chỉ trả lại đơn khởi kiện. Sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, mâu thuẫn của anh chị không được cải thiện, vợ chồng mỗi người sống một nơi, tình cảm lạnh nhạt và không còn. Từ cuối năm 2023 chị X bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở, hiện đang trốn nợ, lang thang, nay chỗ này mai chỗ khác không về nhà mà thỉnh thoảng về nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị X.

Về con chung: Anh và chị X có 02 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 27/02/2021 và Nguyễn Trường A, sinh ngày 27/02/2021, hiện các con đang ở với anh. Anh đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hiện tại anh đang làm lao động tự do tại địa phương, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng, anh có chỗ ở ổn định. Anh có đủ điều kiện để chăm sóc các con. Bản thân anh chăm sóc các con từ năm 2023 cho đến nay, các cháu ngoan ngoãn, khỏe mạnh, phát triển tốt. Đề nghị, tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của anh.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Trương Văn Đ trình bày:*
Chị X có đăng ký hộ khẩu thường trú và vẫn đang sinh sống tại địa phương, hiện tại chị đi làm ăn, công việc không cố định nên thường hay vắng nhà, chị làm gì ở đâu ông không nắm được nhưng chị vẫn đi đi lại lại và thường xuyên liên lạc điện thoại về gia đình. Sau khi Tòa án xuống làm việc chị Xuân có về nhà một lần và ông đã giao các văn bản của Tòa án cho chị. Tuy nhiên, do nợ nần nên chị không ở nhà lâu. Chị X đã nhận các văn bản của Tòa án và trình bày: Về điều kiện kết hôn như anh B trình bày là đúng, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng lấy nhau lâu ngày mà không có con nên anh chị phải vay nợ ở nhiều nơi để chạy chữa, ngoài ra chị X còn vay nợ ở bên ngoài, càng ngày khoản nợ càng nhiều hơn, kinh tế khó khăn, anh Biên thường hay đánh đập, chửi bới chị, chị X nhiều lần phải về nhà bố mẹ đẻ ở hoặc bỏ đi làm ăn xa một thời gian mới lại về nhà với các con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không cải thiện được, chị X đã nộp đơn để đề nghị được ly hôn nhưng anh Biên gây khó khăn nên không giải quyết được. Nay anh B có đơn xin ly hôn, chị X cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ lâu không ai quan tâm đến ai, chị X nhất trí ly hôn.

Về con chung: chị X xác định vợ chồng có 02 con chung như anh B trình bày là đúng, chị nhất trí để anh Biên tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung Nguyễn Bảo A, sinh ngày 27/02/2021 và Nguyễn Trường A, sinh ngày

27/02/2021 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh B không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con, chị hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị X không đề nghị giải quyết.

Quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo xác minh tại thôn M, xã L: Anh B, chị X có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại địa phương, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do kinh tế, chị X vay nợ nhiều nên không dám ở nhà, thỉnh thoảng mới về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi. Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Anh chị có hai con chung như anh chị trình bày là đúng, hiện các cháu đang ở với anh B, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh B và chị X cùng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Thanh B xin ly hôn chị Trương Thị X.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo A, sinh ngày 27/02/2021 và Nguyễn Trường A, sinh ngày 27/02/2021 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh B, chị X có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

- Về án phí: Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Trương Thị X cư trú tại thôn M, xã L, thành phố Hải Phòng. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án chị X không hợp tác và không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho ông Trương Văn Đ là bố đẻ chị X, ông Đ đã thông báo cho chị X biết. Tại phiên tòa, chị X vắng mặt lần thứ hai không có lý do, anh B có đơn đề nghị xét xử

vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh B và chị Trương Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã L, thành phố Hải Phòng) ngày 28/12/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, mâu thuẫn chủ yếu là do kinh tế, chị X làm ăn vay nợ nhiều, không có khả năng trả nợ phải đi làm ăn xa, không dám ở lại địa phương, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Năm 2025, chị Xuân có đơn xin ly hôn nhưng không giải quyết được. Sau đó mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện được. Anh B làm đơn xin ly hôn, chị X xác định vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai, tình cảm không còn nên nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị X đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B cho anh được ly hôn chị X.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh B, chị X có 02 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 27/02/2021 và Nguyễn Trường A, sinh ngày 27/02/2021, hiện các con đang ở với anh B. Anh B, chị X đều thống nhất quan điểm giao các con cho anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành, anh B tự nguyện không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, hiện tại chị X đi làm ăn xa, thường xuyên không có mặt tại địa phương, các con đang ở với anh B ổn định, các cháu khỏe mạnh, phát triển tốt. Anh chị cùng thống nhất giao cả hai con chung cho anh Biên tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và đảm bảo sự ổn định cho các cháu. Do vậy cần giao các con cho anh Biên chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh B, chị X không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Thanh B phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh B, xử cho anh Nguyễn Thanh B ly hôn chị Trương Thị X.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo A, sinh ngày 27/02/2021 và Nguyễn Trường A, sinh ngày 27/02/2021 cho anh Nguyễn Thanh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị X không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị X được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh B phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0000541 ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Thị hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh B đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thanh B và chị Trương Thị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 11 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 11-Hải Phòng;
- UBND xã L, TP. Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiện